KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: TRƯỜNG MẦM NON HẠNH PHÚC

Thời gian thực hiện: 3 tuần, từ ngày 08/09 đến ngày 26/09/2025

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động	Ghi chú
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a) Phát triển vận động						
1	3	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn của cô	* 3,4,5T: Hô hấp: Thổi bóng bay ` Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên ` Lưng bụng: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau * 3,4T `Chân: Bật tại chỗ		*** HĐ học:** ` Hô hấp: Thổi bóng bay ` Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên `Lưng bụng: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau `Chân: Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. Bật tại chỗ ` Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát: Trường chúng cháu là trường mầm non; đu quay *** HĐ chơi:** ` Trò chơi: Lá và gió, kéo cưa lừa xẻ	
2	4	Thực hiện đúng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh				
3	5	Thực hiện đúng, đủ các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		`Chân: Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.		
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi kiễng gót liên tục 3m.	` Đi kiễng gót.		*** HĐ học:** ` Đi kiễng gót - Đi bằng gót chân - Đi bằng mép ngoài bàn chân. *** HĐ chơi:** ` Trò chơi: Lộn cầu vồng	
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng gót chân.	` Đi bằng gót chân			
6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng mép ngoài bàn chân	` Đi bằng mép ngoài bàn chân.			
10	3	Trẻ phối hợp tay-mắt trong vận động: Lăn bóng với cô.		` Lăn bóng với cô.	*** HĐ học:** ` Lăn bóng với cô - Tung bóng lên cao và bắt, tung bắt bóng tại chỗ *** HĐ chơi:** ` Trò chơi: Dung dăng dung dẻ	
11	4	Phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung bóng lên cao và bắt (Tung bắt bóng tại chỗ)	* 4,5 T: ` Tung bóng lên cao và bắt.			
12	5			Tung bắt bóng tại chỗ		

13	3	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò theo hướng thẳng	* 3,4,5T: ` Bò (theo hướng thẳng; bằng bàn tay và bàn chân (3-4m; 4-5m)		*** HĐ học:** ` Bò theo hướng thẳng ,Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 5m *** HĐ chơi:** ` Trò chơi: Mèo đuổi chuột ` TCM: Tung bóng, nhảy vào nhảy ra	
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m				
15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò bằng bàn tay,bàn chân 4-5m.				
16	3	Trẻ thực hiện được vận động: Gập đan các ngón tay vào nhau.	` Gập, đan các ngón tay vào nhau.		*** HĐ chơi:** ` Chơi với các ngón tay, những ngón tay nhúc nhích. ` TCM: Búng bi ` Vận động: Năm ngón tay ngoan *** HĐ vệ sinh** ` Thực hành: Rửa tay bằng xà phòng	
17	4	Trẻ thực hiện được vận động: Búng ngón tay.	` Búng ngón tay.			
18	5	Trẻ thực hiện được vận động: Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.			
19	3	Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. Xếp chồng 8-10 khối không đổ.	` Cài, cởi cúc	` Xếp chồng các hình khối khác nhau.	*** HĐ lao động:** ` Hướng dẫn trẻ tự cài quai dép, ba lô, cởi cúc áo ` Thực hành: Cài quai dép, cài, cởi cúc áo. *** HĐ chơi:** ` Góc XD: Lắp ghép hàng rào làm khu vui chơi, xây trường mầm non của bé, lớp MGG của bé... ` Góc học tập: Thực hành: Tô, đồ các chữ cái o, ô, ơ theo nét in mờ...	
20	4	Trẻ có thể phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.		` Lắp ghép hình.		
21	5	Trẻ có thể phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. ` Sao chép các chữ cái, chữ số. ` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.		` Đồ theo nét. ` Lắp ráp.		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc qua tranh ảnh, qua các bữa ăn ở trường mầm non (Thịt, cá, trứng…)	` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng))		*** HĐ chơi:** ` Xem tranh ảnh, lô tô, video về một số thực phẩm quen thuộc ` Trò chuyện về các nhóm thực phẩm trên tháp dinh dưỡng	
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.				

24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... ` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… □	` Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	*** HĐ ăn:** ` Trò chuyện về các món ăn hằng ngày ` Giới thiệu tên các món ăn, giá trị dinh dưỡng của các món ăn. *** HĐ chơi:** ` Góc phân vai: Nấu ăn, bán hàng một số thực phẩm: cá, thịt, rau, củ, quả,… ` Thực hành" Phân loại 1 số thực phẩm theo 4 nhóm thực phẩm.	
31	3	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản như tập rửa tay bằng xà phòng với sự giúp đỡ của cô giáo.	` Làm quen cách tập/rèn luyện thao tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.	*** HĐ vệ sinh:** ` Trò chuyện về ích lợi của việc rửa tay bằng xà phòng. ` Hướng dẫn, thực hành theo các bước rửa tay bằng xà phòng.	
32	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng.			
33	5	Trẻ thực hiện được việc đơn giản: biết rửa tay bằng xà phòng			
34	3	Trẻ có thể sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống	*** HĐ ăn** ` Trò chuyện về cách sử dụng đồ dùng trong ăn uống ` Hướng dẫn, thực hành sử dụng đồ dùng để ăn, để uống. ` Thực hành: Cất bát, thìa, cốc vào nơi quy định. *** HĐ chơi** ` GPV: Nấu ăn, bán hàng, cô giáo. ` Trò chơi: Bữa ăn gia đình.	
35	4	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			
36	5	Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	` Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống	*** HĐ ăn** ` Trò chuyện về hành vi tốt trong ăn uống như: ăn từ tốn, nhai kỹ; ăn không nói chuyện, không đùa nghịch, xúc ăn gọn gàng…	
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ			

39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.		` Thực hành mời cô, mời bạn... trước khi ăn *** HĐ chơi:** ` Trò chơi: Bé nào ngoan nhất.	
46	3	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm như: Bể chứa nước ở trường/lớp mầm non khi được nhắc nhở.	` Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng khi ở trường, lớp mầm non.	*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, lô tô, video, một số những hình ảnh nguy hiểm: không trèo, chơi ở gần bể nước, chui vào bụi rậm ở gần trường mầm non. ` Trò chuyện về tác hại của việc lại gần bể chứa nước và khi chui vào bụi rậm. ` Trò chơi: Bé chọn đúng - sai □	
47	4	Trẻ nhận ra những nơi như: Bể chứa nước ở trường/lớp mầm non..là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.			
48	5	Trẻ biết những nơi như: Bể chứa nước bụi rậm… ở trường/lớp mầm non là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.			
49	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống. ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện, xem tranh ảnh về một số hành động liên quan đến hoạt động ăn uống. những hành động nguy hiểm khi ra khỏi trường. ` Xem video tranh ảnh một số tình huống không theo người lạ. ` Trò chuyện về tác hại của việc khi ra khỏi trường và khi đi theo người lạ. ` Thực hành không đi theo và nhận quà của người lạ. *** HĐ ăn:** ` Trò chuyện về tác hại của việc cười đùa trong ăn uống.	
50	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống. ` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.			
51	5	` Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: ` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống dễ bị hóc, sặc.			

52	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.	` Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ khi ở trường mầm non	*** HĐ chơi** ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, tạo tình huống một số trường hợp khẩn cấp khi ở trường mầm non  ` Xem tranh ảnh, video về hậu quả của việc ra khỏi khu vực trường, lớp khi không được phép của cô giáo ` Thực hành gọi người giúp đỡ khi bị lạc, bỏng, chảy máu...	
53	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. ` Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Ra khỏi khu vực trường, lớp khi không được phép của cô giáo			
54		Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.	` Một số quy định ở trường, lớp mầm non về an toàn.	*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện xem video về 1 số quy định của trường, lớp mầm non ` Trò chuyện về tác hại của việc sau giờ học không về nhà, tự ý đi chơi.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
a) Khám phá khoa học					
57	3	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp mầm non, đồ chơi bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện.	* 3,4,5 T: ` Đặc điểm nổi bật/ công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi ở trường, lớp mầm non \* 4,5T: ` So sánh sự giống nhau và khác nhau (của 2-3 đồ dùng, đồ chơi; của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng).	*** HĐ chơi** ` Trò chuyện về đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé ` Xem video, sách, tranh ảnh và trò chuyện về cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi đúng cách. ` Quan sát, trò chuyện về đồ dùng, đồ chơi trong trường: Bập bênh, xích đu... ` Thực hành chơi đúng cách các đồ chơi ngoài trời. *** HĐ lao động:** ` Thực hành: Sắp xếp đồ dùng, đồ chơi lên giá góc.	
59		Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp mầm non với sự gợi mở của cô giáo.			
60		Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp mầm non, đồ với sự gợi mở của cô giáo.			
62		Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét tìm hiểu đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp mầm non			

64	4	Trẻ thu thập thông tin về đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp mầm non, đồ chơi bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.			
65		Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, công dụng và cách sử dụng, sự khác nhau, giống nhau của đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp mầm non			
67		Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong trường			
69	5	Trẻ thu thập thông tin về đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi ở trường bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			
70		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm sự giống và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi ở trường lớp			
71	3	Trẻ có thể phân loại các đồ dùng, đồ chơi ở trường, lớp theo một dấu hiệu nổi bật.	` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (theo một dấu hiệu nổi bật ;1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu)	*** HĐ chơi:** ` Phân loại đồ dùng đồ chơi của lớp. ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, video, vật thật, lô tô về đồ dùng, đồ chơi trong trường lớp mầm non. ` Thực hành: Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. ` TC: Tìm đồ chơi	
72	4	Trẻ biết phân loại các đồ dùng, đồ chơi ở trường, lớp theo một hoặc hai dấu hiệu.			

73	5	Trẻ biết phân loại các đồ dùng, đồ chơi ở trường, lớp theo những dấu hiệu khác nhau.			cùng nhóm; Tìm quả cùng nhóm... * Trải nghiệm: ` Làm quả bóng, túi xách... bằng các chất liệu khác nhau	
76	4	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi trong lớp	` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc của lớp. □		*** HĐ chơi:** ` Quan sát, trò chuyện một số đồ dùng, đồ chơi của lớp ` Thực hành: Lắp ghép đồ chơi. ` Thực hành: Nói về cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi của lớp	
77	5	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi trong lớp				
80	3	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi tạo hình... như tô màu một đồ dùng, đồ chơi ở lớp	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động tạo hình.		*** HĐ chơi:** ` Quan sát, xem tranh ảnh, video về cách làm đồ dùng, đồ chơi ` Thực hành: Vẽ, tô màu đồ dùng, đồ chơi của lớp.	
81	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi tạo hình... như vẽ một đồ dùng, đồ chơi ở lớp				
82	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi tạo hình... như: như vẽ một đồ dùng, đồ chơi ở lớp				
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán						
83	3	Trẻ quan tâm đến số lượng một và nhiều	* 3,4,5 T: ` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi 2,5,6 và đếm theo khả năng. * 3,4 T: ` Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi	`1 và nhiều	*** HĐ học:** ` Nhận biết 1 và nhiều, NB số 1; Ôn nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 5. ` Ôn, nhận biết số lượng trong phạm vi	
84		Trẻ có khả năng đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 2.				
85		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2.				

86	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng trong phạm vi 5,6			6, nhận biết chữ số 2, 6. *** HĐ chơi:** ` Góc học tập: Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 5. ` Trò chơi: "Tôi đứng thứ mấy", "về đúng nhà" ` Chơi với bảng chun học toán. ` Thực hành: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng ` TC: Nhận biết số 2,6 trong dãy số...	
87		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5,6.				
88		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5,6 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.				
89	5	Quan tâm đến các con số trong phạm vi 5,6				
90		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5,6 và đếm theo khả năng.				
91		So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 5, 6 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
92	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-2 để chỉ số lượng, số thứ tự.	` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 2,6.			
93	5	Nhận biết các số 5,6 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.				
c, Khám phá xã hội						
130	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	* 3,4T: ` Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp (bản,/xã \*3,4,5T: ` Tên và công việc của cô giáo (4,5T: và các cô bác trong trường) ` Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp/Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn/Đặc điểm (Béo, gầy, cao, thấp…), sở thích của các bạn; các hoạt động (ăn/ngủ/vệ sinh/chơi…) của trẻ ở trường		*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện về lớp học thân yêu của bé ` Trò chơi: Tìm bạn, ` Trò chơi: cái gì biến mất ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, video một số hoạt động ở trường, lớp mầm non; ` Trò chuyện về đồ dùng đồ chơi của lớp, của trường. ` Quan sát nhà bếp, lớp học; dạo chơi sân trường...	
131	4	Trẻ nói đúng tên và địa chỉ của trường, lớp (bản,/xã) khi được hỏi, trò chuyện.				
132		Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.				
133		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm (Béo, gầy, cao, thấp…), của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.				

134	5	Trẻ nói được tên, địa chỉ (bản,/xã/huyện/tỉnh) và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		` Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non.		
135		Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.				
136		Trẻ nói đúng họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp (Béo, gầy, cao), khi được hỏi, trò chuyện.				
140	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội ngày khai giảng qua trò chuyện, tranh ảnh.	` Ngày hội đến trường của bé;		*** HĐ học:** ` Trò chuyện về trường mầm non Hua Thanh của bé ` Phân loại đồ dùng, đồ chơi của lớp *** HĐ chơi:** ` Quan sát cái bàn, quả bóng… ` Trải nghiệm sáng tạo: Làm đồ chơi	
142	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (ngày khai giảng tất cả học sinh đi dự	` Đặc điểm nổi bật của ngày hội đến trường của bé			
144	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (Ngày 02/9 cả bản em treo cờ, em được bố mẹ cho đi chơi phố),				
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
149	3	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: Đồ dùng, đồ chơi, …	Hiểu các từ chỉ tên gọi đồ dùng đồ chơi gần gũi quen thuộc		*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, lô tô, vật thật về một số đồ dùng, đồ chơi. ` Thực hành: Nói các từ khái quát về đồ dùng, đồ chơi trẻ quan sát: Đồ chơi ngoài trời, đồ chơi vận động, đồ gỗ, đồ nhựa… ` Trò chơi: Đồ dùng này làm bằng chất liệu gì?	
150	4	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ chơi cát, nước, ...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất của đồ dùng, đồ chơi ở trường, lớp mầm non, …			
151	5	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Đồ dùng học tập, Đồ gỗ, đồ nhựa, ...	Hiểu các từ khái quát về đồ dùng đồ chơi ở trường lớp mầm non,…			
155		Trẻ nói rõ các tiếng về đồ dùng, đồ chơi, trường, lớp mầm non	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau) về đồ dùng, đồ chơi, trường, lớp mầm non		*** HĐ chơi:** ` Thực hành: Phát âm các từ trong từ khó về đồ dùng, đồ	

156	3	Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ tên gọi, đặc điểm về đồ dùng, đồ chơi về trường, lớp mầm non	đồ chơi, trường, lớp mầm non.	kho về đồ dùng, đồ chơi, trường, lớp mầm non: Ghế gỗ, bảng sắt,... *** HĐ lao động:** ` Thực hành: Xếp đồ dùng, đồ chơi vào nơi quy định ` Thực hành: Gọi tên, kể về những đồ dùng, đồ chơi vừa xếp.	
157	4	Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được về đồ dùng, đồ chơi của trường lớp mầm non			
158		Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ tên gọi, đặc điểm về đồ dùng đồ chơi ở trường mầm non			
159	5	Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự để người nghe có thể hiểu được về đồ dùng, đồ chơi, trường, lớp mầm non			
160		Trẻ sử dụng các từ chỉ hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh khi ở trường lớp mầm non			
161	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn về trường/ lớp mầm non	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn về trường, lớp	*** HĐ chơi:** ` Thực hành: Sử dụng các câu đơn kể về trường, lớp mầm non,	
162	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép về trường/lớp mầm non			
163	5	Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép về trường/lớp mầm non	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn khác nhau.		
167	3	` Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...trong chủ đề trường mầm non hạnh phúc	` Nghe hiểu nội dung truyện kể "Bạn mới"; Truyện đọc "Nếu không đi học". ` Nghe các bài hát, bài thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ...: Ngày đầu tiên đi học, ngày vui của bé, đu quay, trống cơm; Rước đèn dưới ánh trăng… ; câu đố về đồ dùng đồ chơi: Búp bê, quả bóng, bập bênh… ` Đọc thơ: Làm đồ chơi, Trăng ơi từ đâu đến; đồng dao: Dung dăng dung	*** HĐ học:** ` Thơ: làm đồ chơi; ' Thơ: Bập bênh *** HĐ chơi:** + Nghe kể chuyện "bạn mới", "Nếu không đi học". + Nghe các bài hát: Ngày đầu tiên đi học, ngày vui của bé, đu quay, trống cơm,	
168	4				

169	5	Trẻ có thể nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao trong chủ đề trường mầm non hạnh phúc	dẻ…		Rước đèn dưới ánh trăng + Đọc đồng dao: Dung dăng dung dẻ;…câu đố về đồ dùng đồ chơi: Búp bê, quả bóng, bập bênh	
170		Trẻ có thể đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao...trong chủ đề trường mầm non hạnh phúc				
171	3	Trẻ có thể kể lại truyện " Bạn mới" với sự giúp đỡ của cô giáo	` Kể lại một vài tình tiết của truyện "Bạn mới" đã được nghe.		*** HĐ học:** ` Truyện: "Bạn mới" *** HĐ chơi:** ` Xem sách truyện: Nếu không đi học. ` Thực hành: Kể lại chuyện "Bạn mới"	
172	4	Trẻ có thể kể truyện "Bạn mới" Có mở đầu và kết thúc	` Kể lại truyện" Bạn mới" đã được nghe. Theo trình tự (5 tuổi)			
173	5	Trẻ biết kể lại chuyện "Bạn mới" theo trình tự nhất định				
181	3	Trẻ biết sử dụng các từ "Vâng ạ" trong giao tiếp.	` Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép."Vâng ạ" "Mời cô, mời bạn"; biểu cảm hình tượng như thưa, dạ. (5 tuổi)		*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, video...có sử dụng các từ lễ phép ` Thực hành sử dụng các từ vâng, dạ... *** HĐ ăn:** ` Thực hành: Mời cô, mời bạn trước khi ăn cơm	
182	4	Trẻ biết sử dụng các từ " mời cô, mời bạn" trong giao tiếp.				
183	5	Trẻ biết sử dụng các từ "Thưa, dạ, vâng" trong giao tiếp				
184	3	Trẻ có thể đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	* 3,4,5T: ` Xem các loại sách khác nhau. ` Làm quen với cách đọc tiếng việt + Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. ` Giữ gìn, bảo vệ sách (4,5 tuổi)	` Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem sách.	*** HĐ chơi:** ` Góc sách truyện: Xem sách truyện về trường mầm non Hua Thanh của bé; xem tranh truyện nếu không đi học... ` Xem các loại sách về các hoạt động ở trường lớp mầm non ` Hướng dẫn trẻ cách mở sách đúng chiều. cách cầm sách để đọc sách *** HĐ lao động**	
185	4	Trẻ biết chọn sách để xem.				
186		Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh về trường, lớp mầm non				
187		Trẻ biết chọn được sách để "đọc" và xem.				

188	5	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.			**HĐ lao động** ` Thực hành: Xếp sách, truyện tranh lên giá góc	
189		Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách				
193	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa	` Làm quen với một số ký hiệu ở trường mầm non: Nhà vệ sinh, cấm lửa		*** HĐ chơi:** ` Thực hành: Nhận biết ký hiệu về nhà vệ sinh ( Bé trai, Bé gái), cấm lửa *** HĐ vệ sinh:** ` Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng quy định (Nhà vệ sinh bé trai, nhà vệ sinh bé gái).	
194	5	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa				
197	5	Trẻ có khả năng tô, đồ các nét chữ o,ô,ơ	` Tập tô, tập đồ chữ cái o,ô,ơ ` Nhận dạng các chữ cái o,ô,ơ.		*** HĐ học:** ` LQCV: o,ô,ơ ` Tập tô: o,ô,ơ *** HĐ chơi:** ` Trò chơi: Xếp chữ cái o,ô,ơ ` Tạo chữ cái o,ô,ơ bằng các nguyên liệu: dây len, vòng... ` Tô chữ cái o,ô,ơ trên cát, sân trường.	
198		Trẻ có thể nhận dạng các chữ cái o,ô,ơ trong bảng chữ cái tiếng việt.				
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội						
207	5	Trẻ biết bản thân mình là một thành viên trong lớp.	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong lớp học.		*** HĐ chơi** ` Trò chuyện về bản thân và các bạn trong lớp học. ` Thực hành giới thiệu về bản thân trong lớp. ` Trò chơi: Tôi là ai	
208		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ cô giáo những việc vừa sức.	` Thực hiện công việc được giao: xếp dọn đồ chơi...		*** HĐ lao động:** ` Thực hành: Lau đồ dùng đồ chơi các góc ` Thu dọn đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định. ` Bé làm trực nhật. *** HĐ ăn:** ` Thực hành kê bàn ghế, cất bát, thìa	
209		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao ở trường, lớp mầm non.				

210		Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (trực nhật, chơi...)	` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động tự cất đồ chơi đúng nơi quy định; tự quét lớp; tự lau dọn các góc chơi... khi ở trường.	*** HĐ ngủ:** ` Thực hành kê dát giường, dải chiếu...	
230	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi với bạn.	` Một số quy định ở lớp: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ/Trật tự khi ăn, khi ngủ.	*** HĐ chơi:** ` Trò chuyện về một số qui định của lớp. ` Thực hành: Cất đồ dùng cá nhân vào nơi quy định. - Sắp xếp, cất đồ chơi sau khi chơi. *** HĐ lao động:** ` Thực hành cất đồ dùng. đồ chơi đúng nơi qui định...	
231	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn			
232	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định.			
233	3	Trẻ biết chào hỏi các cô, các bác khi được nhắc nhở.	` Lời nói lễ phép : Chào hỏi	*** HĐ chơi:** ` Giờ đón, trả trẻ trò chuyện hướng dẫn trẻ chào hỏi sử dụng cử chỉ lễ phép. ` Trò chơi: Ai lễ phép nhất ` Nghe kể chuyện: Bạn nói, nếu không đi học; thơ làm đồ chơi...	
234	4	Trẻ biết nói lời chào hỏi, cảm ơn các cô, các bạn bác trong trường mầm non.	` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		
235	5				
236	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, các bạn nói	Lắng nghe khi cô, bạn nói		
237	4		` Lắng nghe ý kiến của người khác		
238	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			
242	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.	*** HĐ chơi:** ` Thực hành: Xếp hàng tập thể dục *** HĐ vệ sinh:** ` Xếp hàng: Rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh *** HĐ lao động** ` Thực hành: Bỏ rác đúng nơi quy định. ` GTN: Chăm sóc cây, hoa	
243	5	Trẻ biết chờ đến lượt.			
250	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	` Giữ gìn vệ sinh trường, lớp sạch sẽ.		
251	4				
252	5				
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					

262	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Ngày đầu tiên đi học, trống cơm…	` Nghe các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca: Ngày đầu tiên đi học, Trống cơm,…	*** HĐ học** ` Nghe hát: Ngày đầu tiên đi học, trống cơm *** HĐ chơi:** ' Góc âm nhạc: hát các bài hát về trường lớp mầm non ` Hát, múa một số bài hát về trường mầm non thân yêu của bé ` Hát vận động: trống cơm	
263	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc: Ngày đầu tiên đi học, Trống cơm,...	` Nghe và nhận ra các thể loại âm nhạc khác nhau: Ngày đầu tiên đi học, trống cơm…		
264	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: Ngày đầu tiên đi học, Trống cơm,			
265	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được bài hát: Ngày vui của bé.	` Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát: Ngày vui của bé.	*** HĐ học:** ` Dạy hát: Ngày vui của bé	
266	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát: Ngày vui của bé.			
267	5	Trẻ có thể hát đúng giai điệu , lời ca, qua giọng hát, nét mặt: Ngày vui của bé.			
268	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát (vận động minh họa): Đu quay, …	` Vận động đơn giản theo nhịp/ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu qua bài hát: Đu quay,...  ánh trăng. ` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm (theo nhịp) qua bài hát: Đu quay,..	*** HĐ học:** ` VĐ minh họa: Đu quay. **\* HĐ chơi:** ` VTTN: Ngày vui của bé, Đu quay ` TC âm nhạc: Đoán tên bạn hát	
269	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát (vỗ tay theo nhịp, múa): Đu quay,			
270	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu (vỗ tay theo nhịp, múa) bài hát: Đu quay…			
271	3	Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra túi xách, đồ chơi theo gợi ý.	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra túi xách, đồ dùng, đồ chơi .	*** HĐ chơi:** ` Sử dụng hột hạt, dây len, lá cây để làm túi xách, quả bóng… dùng que tính, khối gỗ...: xếp đường đến	
272	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra túi xách, đồ dùng, đồ chơi .			

273	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra túi xách, đồ dùng, đồ chơi	` Phối hợp/ lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra túi xách, đồ dùng, đồ chơi .	trường, xếp lớp học...	
274	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh vẽ đồ chơi tặng bạn đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra đường tới lớp đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ bố cục.	*** HĐ học:** ' Vẽ đồ chơi tặng bạn (ĐT) *** HĐ chơi:** ` Tô, vẽ đường tới lớp; đồ dùng, đồ chơi của lớp, vườn hoa trường em ` HĐG: Vẽ trường mầm non của bé; Làm album về trường mầm non	
275	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, cong tròn tạo thành bức tranh vẽ đồ chơi tặng bạn có mầu sắc và bố cục.			
276	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh đồ chơi tặng bạn có mầu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			
277	3	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản: Quả bóng, gấu bông, ,…	` Sử dụng một số kỹ năng/ các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ bố cục: Quả bóng,…	*** HĐ chơi:** ` Xé, cắt dán: Quả bóng, gấu bông, ` Làm album về trường mầm non, ` HĐG: Trẻ làm đồ chơi ,…	
278	4	Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong.. dán thành sản phẩm có mầu sắc, bố cục: Quả bóng, gấu bông,...			
279	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có mầu sắc hài hòa, bố cục cân đố: Quả bóng, gấu bông,…			
280	3	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành một số đồ chơi.	` Sử dụng một số kỹ năng/ các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra một số đồ chơi đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	*** HĐ học:** ` Nặn đồ chơi tặng bạn (ĐT) *** HĐ chơi:** ` Nặn quả bóng, búp bê, cặp sách...	
281	4	Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành một số đồ chơi.			
282	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành một số loại đồ chơi.			
283	3	Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành đường đi, ngôi nhà, quả... có cấu trúc đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra đường đi, ngôi nhà, quả... đơn giản/ có màu sắc, kích thước,	*** HĐ chơi:** ` Chơi với que tính, nan tre, khối, hột hạt, nút nhựa, nắp trai để	

284	4	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành đường đi, ngôi nhà, quả... có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ bố cục	nhất định, lắp ghép để xếp: đường đi tới lớp, lớp học, ...	
285	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành đường đi, ngôi nhà, quả... có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

BGH DUYỆT **NGƯỜI LẬP**

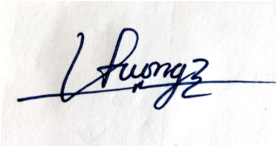

Mùa Thị Dương

Thêm